

## I. 법원 안내

## I. HƯỚNG DẪN VỀ TÒA ÁN

### 1. 법원 소개

### 1. GIỚI THIỆU VỀ TÒA ÁN

사법부는 행정부, 입법부와 구분되는 개념으로서 사법권을 행사하는 국가기관을 의미합니다. 헌법 제 101 조는 “사법권은 법관으로 구성된 법원에 속한다”라고 규정함으로써 법원에 사법권을 부여하여 법치주의를 완수하도록 하였고 헌법 제 27 조는 “모든 국민은 헌법과 법률이 정한 법관에 의하여 법률에 의한 재판을 받을 권리를 가진다. 모든 국민은 신속한 재판을 받을 권리를 가진다.”라고 규정함으로써 일정한 자격을 갖춘 법관에 의하여 법원으로부터 정당한 재판을 받을 권리가 국민의 기본권임을 밝히고 있습니다.

Bộ tư pháp là một khái niệm để phân biệt với bộ hành chính, bộ lập pháp, là chỉ cơ quan nhà nước thực hiện quyền tư pháp. Bằng cách quy định rằng “Quyền tư pháp phụ thuộc vào tòa án, tòa án do các thẩm phán tạo nên” tại điều 101, hiến pháp quy định rằng tòa án được trao quyền để thực hiện chủ nghĩa pháp trị. Với quy định rằng “Tất cả mọi công dân đều có quyền được các thẩm phán xét xử theo pháp luật dựa trên hiến pháp và pháp luật. Tất cả mọi công dân đều có quyền được xét xử một cách nhanh chóng” tại điều 27, hiến pháp khẳng định quyền được tòa án do các thẩm phán có tư cách nhất định xét xử một cách hợp lý là quyền cơ bản của công dân.

#### ▶ 사법권의 독립

#### ▶ Tính độc lập của quyền tư pháp

법원이 사법부로서의 임무를 다하도록 하기 위하여, 헌법 제 103 조는 “법관은 헌법과 법률에 의하여 그 양심에 따라 독립하여 심판한다.”고 규정하여 사법권의 독립을 선언하고 있습니다. 사법권의 독립은 민주주의의 기본 원리인 삼권분립의 요청이며 법치국가의 가장 중요한 조직적 징표의 하나입니다. 사법권의 독립은 법관이 어떠한 외부의 간섭 없이 헌법과 법률에 의하여 그 양심에 따라 독립하여 심판하는 법관의 재판상 독립을 의미합니다. 사법권의 독립이 보장됨으로써 사법부가 국민의 기본권을 수호하는 최후의 보루로서의 사명을 다할 수 있습니다.

Để tạo điều kiện cho tòa án làm tròn các nhiệm vụ của bộ tư pháp, điều 103 hiến pháp quy định “Thẩm phán căn cứ vào hiến pháp và pháp luật để xét xử độc lập theo lương tâm của thẩm phán” và tuyên bố tính độc lập của quyền tư pháp. Sự độc lập của quyền tư pháp là yêu cầu của tam quyền phân lập vốn là nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa dân chủ và là một trong những tiêu chí quan trọng nhất về mặt tổ chức của một quốc gia pháp trị. Sự độc lập của quyền tư pháp có nghĩa là sự độc lập của thẩm phán khi xét xử, căn cứ vào hiến pháp và pháp luật, theo lương tâm của thẩm phán và không bị can thiệp bởi bất kì yếu tố nào. Bằng việc đảm bảo tính độc lập của quyền tư pháp, bộ tư pháp có thể thực hiện sứ mệnh của mình với tư cách là một pháo đài cuối cùng để bảo vệ cho quyền cơ bản của công dân.

#### ▶ 재판공개 원칙

#### ▶ Nguyên tắc xét xử công khai

재판이 공정하게 행하여지고 소송당사자의 인권을 충분히 보장하기 위하여, 헌법 제 109 조는 재판의 심리와 판결을 일반인에게 공개할 것을 규정하고 있습니다. 특히 형사 재판에 있어 공개재판을 받을 권리는 헌법상 국민의 기본권으로 보장되어 있습니다. 다만 재판의 심리에 있어

국가의 안전보장 또는 안녕질서를 방해하거나 선량한 풍속을 해할 염려가 있는 때에는 예외적으로 법원의 결정으로 공개하지 않을 수 있습니다.

Để đảm bảo việc xét xử được thực hiện một cách công bằng và đảm bảo đầy đủ nhân quyền của các đương sự tham gia tố tụng, điều 109 của hiến pháp quy định việc thẩm tra xét xử và phán quyết của tòa án được công khai cho toàn thể mọi công dân. Đặc biệt là trong xét xử hình sự thì hiến pháp đảm bảo quyền được xét xử công khai là quyền cơ bản của công dân. Tuy nhiên, nếu việc thẩm tra xét xử gây ảnh hưởng đến việc bảo đảm an toàn hoặc an ninh trật tự của quốc gia hoặc gây tổn hại đến thuần phong mỹ tục thì có thể không công khai quyết định của tòa án.

▶ 심급제도

▶ Các cấp xét xử

우리 재판제도는 3 심제를 원칙으로 하고 있습니다.

민·형사 사건 중 단독사건은 지방법원(지원) 단독판사 → 지방법원 본원 합의부(항소부) → 대법원의 순서로, 합의사건은 지방법원(지원) 합의부 → 고등법원 → 대법원의 순서로 각 심급제를 이루고 있습니다. 군사재판은 보통군사법원 → 고등군사법원 → 대법원의 차례로 이루어집니다.

Theo nguyên tắc, chế độ xét xử của chúng ta gồm 3 cấp xét xử.

Vụ án tranh chấp dưới 100.000.000won trong dân sự và hình sự được xét xử theo thứ tự: Thẩm phán độc lập tại tòa án (chi nhánh) địa phương → Hội đồng thẩm phán tại tòa án địa phương (Phòng kháng án) → tòa án tối cao. Vụ án tranh chấp trên 100.000.000won được xét xử theo thứ tự: Hội đồng thẩm phán tại tòa án địa phương (chi nhánh) → tòa án cấp cao → tòa án tối cao. Xét xử quân sự thì theo thứ tự: tòa án quân sự thông thường → tòa án quân sự cấp cao → tòa án tối cao.

행정소송은 과거에는 고등법원 → 대법원의 2 심급으로, 그리고 행정소송 중 행정처분 취소소송에 대하여는 소송제기에 앞서 행정심판을 거쳐야 했었으나, 1998. 3. 1. 부터는 1 심법원으로 행정법원이 설치되어 3 심제가 되고, 행정처분 취소소송도 다른 법률에 특별한 규정이 없는 한 행정심판을 거치지 아니하고, 행정소송을 제기할 수 있게 되었습니다. 한편 1998. 3. 1. 특허법원이 신설됨에 따라 특허심판원의 심결 또는 결정에 대한 불복의 소를 특허법원의 전속관할로 하고 특허법원의 판결에 대하여 대법원에 상고할 수 있도록 함으로써 특허소송에 관하여는 특허법원 → 대법원의 2 심제가 채택되었습니다.

Trước đây, tố tụng hành chính được xét xử theo chế độ 2 cấp xét xử là tòa án cấp cao → tòa án tối cao và trước khi khởi kiện đối với việc hủy bỏ xử lý hành chính trong tố tụng hành chính thì phải trải qua phán quyết hành chính, tuy nhiên bắt đầu từ ngày 1 tháng 3 năm 1998, tòa án hành chính được lập tòa án cấp sơ thẩm, do đó cũng gồm 3 cấp xét xử, đồng thời có thể khởi kiện đối với tố tụng hủy bỏ xử lý hành chính mà không phải trải qua phán quyết hành chính nếu không có quy định đặc biệt nào khác. Ngoài ra, cùng với việc thành lập Tòa sở hữu trí tuệ vào ngày 1 tháng 3 năm 1998, tố tụng sở hữu trí tuệ được xét xử theo 2 cấp là Tòa sở hữu trí tuệ → Tòa án tối cao bằng việc quy định rằng kháng cáo đối với bản án hoặc quyết định của Viện xét xử sở hữu trí tuệ là do Tòa sở hữu trí tuệ xử lý và quy định rằng có thể tiến hành kháng cáo đối với bản án của Tòa sở hữu trí tuệ lên tòa án tối cao.

## 2. 법원이 하는 일

## 2. CÔNG VIỆC CỦA TÒA ÁN

## 가. 재판

### A. XÉT XỬ

#### 1) 민사재판

##### 1) XÉT XỬ DÂN SỰ

민사재판은 국민의 사생활에서 생기는 권리 또는 법률관계에 대한 분쟁을 해결하기 위하여 제기되는 민사소송사건에 대한 재판입니다.

Xét xử dân sự là xét xử các vụ án tố tụng dân sự được khởi tố nhằm giải quyết tranh chấp về quyền lợi phát sinh trong cuộc sống của công dân hoặc tranh chấp về quan hệ pháp luật.

#### ▶ 제 1 심 판결절차

##### ▶ Thủ tục xét xử sơ thẩm

민사재판은 원고나 그의 대리인이 제 1 심 법원인 지방법원, 지방법원 지원과 시·군 법원에 소장을 제출함으로써 시작됩니다. 소장이 접수되면 법원은 피고에게 그 부분을 송달합니다. 피고에게 소장 부분이 송달된 후 30 일 이내에 피고의 답변서 제출 유무에 따라 원·피고에게 판결선고기일 또는 변론기일을 통지합니다. 원·피고는 변론기일에 직접 출석하거나 변호사를 대리인으로 선임하여 변론할 수 있습니다. 단독판사의 관할사건에서는 법원의 허가를 얻어 변호사 아닌 사람을 대리인으로 선임할 수 있습니다. 피고가 원고의 청구에 대하여 승복할 수 없을 때에는 답변서를 제출하거나 변론기일에 출석하여 원고의 주장을 다투어야 합니다.

Xét xử dân sự được bắt đầu khi nguyên đơn hoặc người đại diện của nguyên đơn nộp đơn khởi kiện cho các tòa án cấp sơ thẩm như tòa án địa phương, chi nhánh của tòa án địa phương và tòa án thuộc các cấp quận, thành phố. Sau khi nhận được đơn khởi kiện, tòa án sẽ tổng đạt bản sao của đơn khởi kiện cho bị đơn. Trong vòng 30 ngày sau khi bản sao của đơn khởi kiện được tổng đạt, tùy theo việc bị đơn có nộp văn bản trả lời hay không mà sau đó tòa án sẽ thông báo cho nguyên đơn và bị đơn về ngày tuyên án hoặc ngày bào chữa. Trong ngày bào chữa, nguyên đơn và bị đơn có thể có mặt trực tiếp tại tòa hoặc chọn luật sư làm người đại diện để bào chữa cho mình. Đối với các vụ án do thẩm phán độc lập phụ trách thì sau khi được tòa án cho phép có thể chọn người không phải là luật sư làm đại diện. Khi bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn thì phải nộp văn bản trả lời hoặc có mặt trong ngày bào chữa để tranh cãi về quan điểm của nguyên đơn.

원·피고는 각각 자기의 주장이 정당하다는 것을 뒷받침하기 위하여 증거를 제출하여야 합니다. 그러나 상대방이 다투지 아니하는 사실에 대하여는 증거를 제출할 필요가 없습니다. 민사재판의 심리는 집중적으로 계속하여 진행되는 경우도 있지만 보통 2-3 주간의 간격을 두고 주기적으로 진행되는 것이 일반적입니다.

Để chứng minh cho quan điểm của mình, nguyên đơn và bị đơn phải nộp các chứng cứ. Tuy nhiên, đối với tình tiết mà đối phương không tranh luận thì không cần phải nộp các chứng cứ. Tuy rằng có một số trường hợp mà công tác thẩm tra của phiên tòa xét xử dân sự phải tiến hành tập trung và kéo dài, nhưng thông thường thì sẽ được tiến hành theo chu kỳ cách nhau khoảng 2-3 tuần.

당사자가 주장과 증거제출을 마치면 법원은 변론을 종결한 후 보통 2 주일 후에 판결을 선고하고 판결문을 원·피고에게 송달합니다. 민사판결은 원칙적으로 판결이 확정될 때까지 집행력을 갖지 아니하나, 법원은 재산권의 청구에 관한 판결에는 상당한 이유가 없는 한 가집행할 수 있음을 선고할 수 있고 이 경우에는 판결 확정전이라도 가집행할 수 있습니다.

Nếu các đương sự đã nộp các văn bản bày tỏ quan điểm và chứng cứ và kết thúc bào chữa, thông thường sau 2 tuần, tòa án sẽ tuyên án và tổng đạt bản án cho nguyên đơn và bị đơn. Về nguyên tắc, phán quyết dân sự không có hiệu lực thi hành cho đến khi phán quyết được xác định, tuy nhiên tòa án có thể tuyên bố thi hành tạm thời phán quyết về yêu cầu đối với quyền tài sản nếu không có lý do hợp lý, và trong trường hợp này thì có thể thi hành tạm thời cho dù phán quyết chưa được xác định.

▶ 항소·상고 절차

▶ Thủ tục kháng cáo lên tòa cấp phúc thẩm và kháng cáo lên tòa án tối cao

제 1 심 판결의 사실인정이나 법률판단에 대하여 불복하는 당사자는 판결문을 송달받은 날로부터 2 주일 이내에 항소할 수 있습니다. 제 2 심의 재판절차에는 특별한 규정이 없으면 제 1 심 재판절차가 준용되므로 제 2 심 재판절차도 제 1 심 재판절차와 거의 같습니다. 제 2 심 판결의 법률판단에 대하여 불복하는 당사자는 판결문을 송달받은 날로부터 2 주일 이내에 최종심인 대법원에 상고할 수 있습니다. 상고사건에 대한 재판절차는 제 1 심 및 제 2 심의 재판절차와는 다르게 상고장, 상고이유서, 답변서 기타의 소송기록에 의하여 변론 없이 재판할 수 있도록 되어 있습니다.

Nếu các đương sự không chấp nhận bản án hoặc quyết định pháp luật của tòa án cấp sơ thẩm thì có thể kháng án trong vòng 2 tuần sau khi được tổng đạt bản án. Nếu không có quy định đặc biệt thì trình tự xét xử của tòa án phúc thẩm cũng giống như trình tự xét xử của tòa án sơ thẩm. Nếu đương sự không chấp nhận bản án pháp luật của tòa án phúc thẩm thì trong vòng 2 tuần sau khi được tổng đạt bản án có thể kháng án lên tòa án tối cao tức là chung thẩm. Thủ tục xét xử của vụ án kháng cáo lên tòa án tối cao khác với thủ tục của tòa án sơ thẩm và phúc thẩm là chỉ xét xử căn cứ vào các tài liệu tố tụng như đơn kháng cáo, đơn trình bày lý do kháng cáo, văn bản trả lời và các tài liệu, hồ sơ tố tụng khác mà không cần bào chữa.

▶ 소액사건에 대한 특별절차

▶ Thủ tục đặc biệt đối với các vụ kiện nhỏ

소송물가액이 2,000 만원을 넘지 아니하는 금전 기타 대체물 또는 유가증권 등의 지급을 목적으로 하는 소액의 민사사건은 지방법원, 지방법원 지원, 시·군법원에서 일반 민사소송절차보다 훨씬 간단·신속한 심판절차에 의하여 재판이 진행됩니다. 이러한 소액사건의 경우 지체없이 변론기일이 지정되며, 법원의 허가 없이도 당사자의 배우자, 직계혈족, 형제자매는 소송대리인이 될 수 있습니다. 또한 소액사건의 판결은 변론종결 후 즉시 선고할 수 있고, 판사는 판결서에 그 이유를 기재하지 않을 수 있습니다. 소액사건의 수는 소액사건심판법 제정 이후 해마다 증가하여 2010년에는 전체 제 1 심 민사본안사건의 70.1%에 이르고 있습니다.

Những vụ án dân sự nhỏ với mục đích đòi được cấp số tiền hoặc các tài sản hoặc giấy tờ có giá khác với số tiền tố tụng nhỏ hơn 20 triệu won thì có thể được tiến hành theo thủ tục xét xử đơn giản và nhanh chóng hơn nhiều so với thủ tục tố tụng dân sự thông thường tại các tòa án địa phương, chi nhánh của tòa án địa phương, tòa án tại các quận, huyện. Những vụ kiện nhỏ như vậy được ấn định ngày bào chữa một cách nhanh chóng, người phối ngẫu, thân tộc trực hệ, anh chị em của đương sự có thể trở thành người đại diện tham gia tố tụng cho đương sự mà không cần được sự cho phép của tòa án. Ngoài ra, bản án của vụ kiện nhỏ có thể được tuyên bố ngay sau khi kết thúc bào chữa và thẩm phán có thể không ghi lý do trong bản án. Sau khi luật xét xử các vụ kiện nhỏ được ban hành, số lượng các vụ kiện nhỏ tăng lên hàng năm và trong năm 2010 các vụ án này chiếm 70.1% trong tổng số các vụ án dân sự sơ thẩm.

▶ 민사조정절차

▶ Thủ tục hòa giải dân sự

민사조정제도는 민사관계의 분쟁에 관하여 법관 또는 법원에 설치된 상임조정위원, 조정위원회가 간이한 절차에 따라 분쟁 당사자들로부터 각자의 주장을 듣고 여러 사정을 고려하여 그들에게 서로 양보하고 타협하도록 주선·권고하거나 결정을 함으로써 이들로 하여금 중국적인 화해에 이르게 하는 법적 절차입니다. 민사조정절차는 통상의 소송절차에 비하여 간이·신속하며 저렴한 비용으로 분쟁을 해결할 수 있다는 점에서 경제적이고 효율적인 분쟁해결절차로서 그 이용이 널리 권장되고 있습니다.

Chế độ hòa giải dân sự là chế độ luật pháp luật đối với các tranh chấp dân sự mà thẩm phán hoặc ủy viên hòa giải thường trực, ủy ban hòa giải tại các tòa án lắng nghe ý kiến của các đương sự, xem xét các yếu tố khác và tiến hành gợi ý, thuyết phục hoặc quyết định để các bên nhượng bộ và thỏa hiệp với nhau theo thủ tục đơn giản để buộc các đương sự hòa giải với nhau. Thủ tục hòa giải dân sự có ưu điểm là có thể giải quyết tranh chấp một cách đơn giản, nhanh chóng và chi phí thấp hơn thủ tục tố tụng thông thường, là thủ tục giải quyết tranh chấp kinh tế và hiệu quả, do đó chế độ này được khuyến khích sử dụng rộng rãi.

▶ 강제집행절차

▶ Thủ tục cưỡng chế thi hành

재판에서 확정적으로 승소하거나 가집행선고 있는 판결을 받았는데 채무자가 임의로 채무내용을 이행하지 않는 경우에, 채권자가 국가의 힘을 빌려 채무자로부터 강제로 이행을 받는 절차를 강제집행절차라 합니다. 강제집행의 대상이 되는 채무자의 재산으로는 부동산, 선박 및 자동차, 중기, 항공기, 유체동산, 채권 등이며, 그 중에서 집행관이 실시하는 유체동산에 대한 강제집행 이외에는 집행법원이 강제집행을 실시합니다. 강제집행 중 가장 이용도가 높은 것은 금전채권의 실현을 위한 부동산에 대한 경매, 입찰입니다. 경매·입찰은 채무자 소유의 부동산을 압류한 후 이를 강제로 매각하여 그 대금을 채권자에게 배당하는 집행절차입니다. 매각대금으로 배당에 참가한 모든 채권자가 채권의 만족을 얻을 수 없는 때에는 민법, 상법 등 관련 법률에 의한 우선순위에 따라 배당을 받게 됩니다. 채권의 실현을 위한 절차로 이러한 강제경매절차 이외에 저당권, 전세권 등으로 담보된 채권의 실현을 위한 경매·입찰이 있는데, 이 절차도 부동산에 대한 강제경매·입찰 절차와 비슷합니다.

Thủ tục cưỡng chế thi hành là thủ tục chủ nợ được mượn quyền của nhà nước để cưỡng chế người nợ trả nợ trong trường hợp người nợ đã bị xử thua kiện hoặc nhận được bản án thi hành tạm thời nhưng người nợ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Những tài sản thuộc đối tượng cưỡng chế thi hành của người mắc nợ gồm: bất động sản, tàu thuyền và ô tô, máy móc loại nặng, máy bay, tài sản hữu hình, trái phiếu... trong đó ngoài cưỡng chế thi hành đối với tài sản hữu hình do nhân viên thi hành án thực hiện còn có cưỡng chế thi hành do tòa án thi hành thực hiện. Hình thức được sử dụng nhiều nhất trong cưỡng chế thi hành là tiến hành bán đấu giá và đấu thầu đối với bất động sản để thực hiện quyền đòi tiền. Bán đấu giá, đấu thầu là thủ tục tịch thu bất động sản thuộc sở hữu của người nợ và bán đi để trả số tiền đó cho chủ nợ. Nếu số tiền thu được sau khi bán không đủ để trả nợ cho tất cả các chủ nợ thì các chủ nợ sẽ được trả theo thứ tự ưu tiên căn cứ vào các quy định luật pháp liên quan như luật dân sự, luật thương mại... Ngoài thủ tục cưỡng chế bán đấu giá này ra, để thực hiện quyền đòi nợ này ra còn có các thủ tục như bán đấu giá, đấu thầu để thực hiện quyền đòi nợ đối với các tài sản thế chấp như quyền thế chấp, quyền thuê nhà dài hạn... và các thủ tục này cũng tương tự như thủ tục bán đấu giá, đấu thầu đối với bất động sản.

▶ 가압류·가처분절차

▶ Thủ tục tạm tịch thu, xử lý tạm thời

채권자가 강제집행에 착수하기 전에 채무자가 그 재산을 숨겨버리거나 처분하여 버리면 집행할 수 없게 되므로 사전에 이러한 위험을 예방하고 재산을 확보하기 위하여 채권자의 신청에 따라 법원이 결정을 내리는 절차가 가압류·가처분절차입니다. 금전채권의 집행을 보전할 필요가 있는 경우에는 채무자의 재산을 가압류할 수 있고, 금전채권 이외의 특정물의 인도를 받거나 임시의 지위를 정할 필요가 있는 경우에는 집행보전을 위하여 가처분을 할 수 있습니다.

Thủ tục tạm tịch thu, xử lý tạm thời là thủ tục quyết định của tòa án theo đơn yêu cầu của chủ nợ nhằm đảm bảo tài sản và phòng trừ khả năng người nợ giấu tài sản hoặc xử lý tài sản trước khi chủ nợ tiến hành cưỡng chế thi hành, vì nếu như vậy thì việc cưỡng chế thi hành sẽ không thể thực hiện được. Trong trường hợp cần phải đảm bảo thi hành quyền đòi tiền, có thể tạm tịch thu tài sản của người nợ và trong trường hợp cần phải được chuyển nhượng hoặc khẳng định vị trí tạm thời đối với vật đặc biệt nào đó thì có thể xử lý tạm thời để đảm bảo thi hành.

▶ 재산명시, 재산조회 및 채무불이행자명부 등재

▶ Xác minh tài sản, điều tra tài sản và đăng danh sách những người không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

강제집행을 신청할 수 있는 채권자는 채무자가 금전채무를 이행하지 아니하고 채무자의 재산발견이 용이하지 아니한 경우에는 제 1 심 법원에 채무자의 재산관계를 밝히도록 하는 신청을 할 수 있습니다. 또한 채권자는 채무자가 판결 등이 확정된 후 6 월 이내에 채무를 이행하지 않거나 위 재산관계명시신청에 대하여 불성실한 때에는 채무불이행자명부에 등재할 것을 신청할 수 있습니다. 이로써 승소판결을 받은 채권자는 더욱 손쉽게 채권의 만족을 얻을 수 있게 됩니다.

Trong trường hợp người nợ không thực hiện nghĩa vụ trả tiền và không dễ phát hiện được tài sản của người nợ, chủ nợ được quyền yêu cầu cưỡng chế thi hành có thể yêu cầu tòa án sơ thẩm làm rõ quan hệ tài sản của người nợ. Ngoài ra, trong vòng 6 tháng sau khi được xét xử mà người nợ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không trung thực khi đăng ký xác minh quan hệ tài sản thì có thể yêu cầu đăng ký người đó vào danh sách những người không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Cách này có thể giúp chủ nợ thắng án thỏa mãn được quyền đòi nợ một cách dễ dàng hơn.

## 2) 형사재판

### 2) XÉT XỬ HÌNH SỰ

형사재판은 검사에 의하여 기소된 피고인에 대하여 유·무죄를 가리고, 유죄로 인정되는 경우에 형벌을 과하는 형사소송사건에 대한 재판입니다.

Xét xử hình sự là xét xử đối với các vụ án tố tụng hình sự căn cứ vào việc điều tra để xác định bị can bị khởi tố là vô tội hay có tội, nếu được xác định là có tội thì quyết định hình phạt đối với bị can.

▶ 수사 및 기소절차

▶ Thủ tục điều tra và khởi tố

형사사건에 대한 수사는 사법경찰관 및 검사가 수행합니다. 수사기관은 피의자를 체포·구속하지 않고 수사하는 것이 원칙이며, 필요한 경우에는 판사로부터 영장을 발부받아 체포·구속할 수 있는데, 현행범인이거나 긴급한 사유가 있는 경우에는 사후에 영장을 발부받을 수 있습니다. 판사는 피의자의 주거가 없거나 도망 또는 증거인멸의 염려가 있는 경우에 영장을 발부합니다. 형사재판은 원칙적으로 검사의 공소제기가 있어야 시작되고 미국이나 영국에서와 같이 배심 또는 피해자 등이 사적으로 공소를 제기할 수는 없습니다. 한편 검사는 벌금형에 처할 사안이라고 생각하는 경우 법원에 약식명령을 청구할 수 있습니다. 이 경우 판사는 공판절차 없이 약식명령을

내리는데, 약식명령을 내리는 것이 부적절하다고 인정되는 경우에는 통상재판에 회부할 수 있습니다. 피고인은 약식명령을 고지받은 날로부터 7 일 이내에 정식재판을 청구할 수 있습니다.

Việc điều tra các vụ án hình sự là do cảnh sát tư pháp và kiểm sát viên thực hiện. Về nguyên tắc, các cơ quan điều tra tiến hành công tác điều tra mà không bắt giam hoặc giam giữ kẻ bị tình nghi, tuy nhiên trong trường hợp cần thiết thì có thể bắt giam hoặc giam giữ kẻ bị tình nghi sau khi nhận được lệnh bắt do thẩm phán ban hành, trong trường hợp người bị tình nghi phạm tội đang thực hiện hành vi phạm tội hoặc có lí do khẩn cấp thì có thể ban hành lệnh bắt sau. Thẩm phán có thể ban hành lệnh bắt đối với các trường hợp như người bị tình nghi phạm tội không có nơi cư trú hoặc có khả năng bỏ trốn hoặc xóa bỏ chứng cứ. Về nguyên tắc, xét xử hình sự chỉ bắt đầu khi kiểm sát viên tiến hành khởi tố, cũng giống như ở Mỹ và Anh, bồi thẩm và người bị hại không được khởi tố. Ngoài ra, trong trường hợp kiểm sát viên cho rằng vụ án có thể áp dụng hình thức phạt tiền thì có thể yêu cầu tòa án ban hành án lệnh ngăn gọn. Khi đó, thẩm phán sẽ ban hành án lệnh ngăn gọn mà không cần xét xử, tuy nhiên nếu việc ban hành án lệnh ngăn gọn được cho là không hợp lý thì có thể mở phiên tòa xét xử. Bị đơn có thể yêu cầu được xét xử chính thức trong vòng 7 ngày sau khi nhận được thông báo về án lệnh ngăn gọn.

▶ 공판절차

▶ Thủ tục xét xử

형사재판은 공판기일에 공판정에서 공개하여 진행되며, 그 절차는 재판장이 피고인에게 진술거부권을 고지하고 피고인의 성명과 연령 등을 묻는 인정신문으로부터 시작됩니다. 그 후 검사의 공소사실 등 낭독과 피고인의 공소사실 인부, 증거조사, 피고인신문, 검사의 의견진술(구형), 변호인의 변론, 피고인의 최후진술 순으로 진행됩니다. 판사는 이러한 절차가 끝나면 심리를 종결하고 보통 2 주일 후에 판결을 선고합니다.

Xét xử hình sự được tiến hành công khai tại tòa án trong ngày xét xử và chủ tọa thông báo về quyền được giữ im lặng của bị can, và bắt đầu hỏi các câu hỏi như họ tên và tuổi của bị can. Sau đó tiến hành theo các trình tự lần lượt: kiểm sát viên công bố bản cáo trạng, bị can có công nhận nội dung khởi tố hay không, xem xét chứng cứ, xét hỏi bị can, ý kiến của viện kiểm sát (kết tội), người bào chữa tiến hành bào chữa, lời nói cuối cùng của bị can. Thông thường, sau khi những thủ tục này kết thúc và sau khi công tác điều tra kết thúc thì thẩm phán sẽ tuyên bố bản án sau 2 tuần.

▶ 변호인의 도움을 받을 권리

▶ Quyền được luật sư bào chữa

피고인은 수사단계에서는 물론 공판절차에서도 변호인의 도움을 받을 권리가 있습니다. 형사소송법은 피고인이 구속된 때, 미성년자인 때, 70 세 이상 고령자이거나 농아자 또는 심신장애의 의심이 있는 때, 사형·무기 또는 단기 3 년 이상의 형에 해당하는 죄로 기소된 때에는 변호인 없이 재판할 수 없도록 규정하고 있습니다. 따라서 이 경우 피고인에게 변호인이 없는 경우에는 법원에서 국선변호인을 선정해 주고 있습니다. 위와 같은 경우 외에도 피고인이 빈곤하여 변호인을 선임할 수 없거나 피고인의 연령·지능 및 교육 정도 등을 참작할 때 그의 권리보호를 위해 필요하다고 인정하는 경우에도 국선변호인을 선정해 주고 있고, 국민참여재판을 받는 피고인에 대해서도 국선변호인을 선정해 주고 있습니다. 기소 전 단계에서는 피의자에 대하여 구속영장이 청구되어 법관 앞에서 영장실질심사를 받거나 구속적부심사를 받을 때 변호인이 없다면 국선변호인을 선정해 주고 있습니다.

Bị can được quyền bào chữa không chỉ trong giai đoạn điều tra mà còn được quyền bào chữa trong các thủ tục xét xử. Luật tố tụng hình sự quy định không được xét xử nếu không có người bào chữa đối với các trường hợp sau: khi bị can bị bắt giam, khi bị can là trẻ vị thành niên, khi bị can là người già trên 70 tuổi hoặc là người câm

diết hoặc bị cho là người có vấn đề về tâm lý, khi bị can bị khởi tố hình sự với mức phạt tù hình, chung thân hoặc phạt tù từ 3 năm trở lên. Vì vậy, nếu bị can trong các trường hợp này không có người bào chữa thì tòa án chọn luật sư do nhà nước chỉ định cho các bị can. Ngoài các trường hợp này ra, tòa án cũng chọn luật sư do nhà nước chỉ định nếu bị can không mời được luật sư do quá nghèo hoặc xem xét đến các yếu tố như độ tuổi, khả năng về trí tuệ và trình độ văn hóa và cho rằng cần phải bảo vệ quyền lợi cho họ, đồng thời tòa án cũng chọn luật sư do nhà nước chỉ định cho các bị can được hội thẩm nhân dân xét xử. Trong giai đoạn trước khi khởi tố, lệnh bắt đối với người bị tình nghi được yêu cầu và do đó, khi người bị tình nghi được thẩm phán xét hỏi trực tiếp để thẩm tra thực tế của lệnh bắt hoặc khi thẩm tra tính hợp lý của lệnh bắt thì tòa án cũng chọn luật sư do nhà nước chỉ định nếu bị can không có người bào chữa.

▶ 구속영장 실질심사

▶ Thẩm tra tính thực tế của lệnh bắt

수사기관에서 체포된 피의자에 대해서 구속영장이 청구되면 판사는 지체 없이 피의자를 심문하여야 합니다. 이 경우 특별한 사정이 없는 한 구속영장이 청구된 다음날까지 심문하여야 합니다. 한편 체포가 되지 않는 피의자에 대하여 구속영장이 청구될 경우에는 판사는 피의자가 죄를 범하였다고 의심할 만한 이유가 있는 경우에는 피의자를 구인하여 심문하여야 합니다. 심문은 판사의 주재 하에 이루어지고, 피의자 및 변호인은 피의사실 및 구속사유 등에 관한 피의자의 입장을 충분히 개진할 수 있는 기회를 갖게 된다. 판사는 그와 같은 심문결과와 수사기관이 제출한 수사기록 등을 종합하여 구속요건의 존부와 구속의 당부를 심사하게 됩니다.

Nếu có yêu cầu ban hành lệnh bắt đối với người bị tình nghi phạm tội bị bắt giữ bởi cơ quan điều tra, thẩm phán phải lập tức tiến hành xét hỏi người bị tình nghi phạm tội. Nếu không có lý do đặc biệt gì thì phải xét hỏi ngay sau ngày ban hành lệnh bắt được yêu cầu. Ngoài ra, đối với người bị tình nghi phạm tội chưa bị bắt, nếu có yêu cầu ban hành lệnh bắt, trong trường hợp thẩm phán có lý do nghi ngờ người bị tình nghi phạm tội đã phạm tội thì phải bắt giữ người bị tình nghi phạm tội để xét hỏi. Người chủ trì việc xét hỏi là thẩm phán, người bị tình nghi phạm tội và người bào chữa có cơ hội để trình bày rõ quan điểm của người bị tình nghi phạm tội như tình tiết bị nghi ngờ và lý do bị bắt...Thẩm phán sẽ tổng hợp kết quả xét hỏi trên và hồ sơ do cơ quan điều tra nộp để thẩm tra xem có đủ điều kiện bắt giam và bắt giam có đúng hay không.

▶ 체포·구속적부심사와 보석

▶ Thẩm tra tính hợp lý của lệnh bắt giam, giam giữ và bảo lãnh tại ngoại

수사단계에서 체포·구속된 피의자와 이해관계인은 체포·구속영장의 발부가 법률에 위반되거나 구속 후 증대한 사정변경이 있을 경우에는 공소가 제기되기 전까지 관할법원에 체포·구속의 적부심사를 청구할 수 있습니다. 체포·구속적부심사의 청구가 있는 때에는 법원은 지체 없이 이를 심리하여, 이유 있다고 인정한 때에는 체포·구속된 피의자의 석방을 명합니다. 법원은 구속된 피고인 등의 청구에 의하여 또는 직권으로 서약서 제출, 주거 제한, 피해자 등에 대한 접근금지, 보증금 납부 등을 조건으로 피고인의 석방을 허가할 수 있는데, 이를 보석이라 합니다. 보석 조건이 보증금 납부일 경우에는 보석 보증보험증권을 첨부한 보증서의 제출로써 갈음할 수 있습니다.

Trong giai đoạn điều tra, nếu việc ban hành lệnh bắt hoặc giam giữ là vi phạm pháp luật hoặc sau khi bị bắt có thay đổi lớn về tình tiết thì người bị tình nghi phạm tội đã bị bắt hoặc giam giữ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có thể yêu cầu thẩm tra tính hợp lý của lệnh bắt hoặc giam giữ trước khi bị đề nghị khởi tố. Khi có yêu cầu thẩm tra tính hợp lý của lệnh bắt hoặc giam giữ thì tòa án phải lập tức tiến hành điều tra, và trong trường hợp cho rằng hợp lý thì phải ra lệnh trả tự do cho người bị bắt hoặc giam giữ. Căn cứ vào yêu cầu của người bị tình



nghỉ phạm tội hoặc với các điều kiện như nộp bản cam kết, giới hạn nơi cư trú, cấm không cho tiếp cận người bị hại, nộp tiền bảo đảm... tòa án có thể cho phép thả người bị tình nghi phạm tội và điều này được gọi là bảo lãnh tại ngoại. Trong trường hợp điều kiện bảo lãnh tại ngoại là nộp tiền bảo lãnh thì có thể thay thế bằng việc nộp giấy bảo lãnh kèm theo giấy chứng minh bảo hiểm bảo lãnh tại ngoại.

▶ 자유심증주의와 피고인의 자백

▶ Chủ nghĩa tâm chứng tự do và lời khai của bị can

형사재판에 있어서는 검사가 피고인의 유죄를 입증할 책임이 있고, 판사는 검사가 제출한 증거에 의하여 헌법과 법률에 따라 유죄·무죄를 판단합니다. 그러나 피고인의 자백만으로는 유죄를 인정할 수 없고 그 자백이 진실한 것임을 인정할 만한 보강증거가 있어야 합니다. 또 피고인의 자백이 고문·폭행·협박·신체구속의 부당한 장기화의 방법으로 얻어지거나 임의로 진술한 것이 아니라고 의심할 만한 이유가 있는 때에는 이를 유죄의 증거로 하지 못합니다. 한편, 피고인은 각각의 신문에 대하여 진술을 거부할 수 있는 권리가 있습니다.

Trong xét xử hình sự kiểm sát viên có trách nhiệm chứng minh bị can là có tội và thẩm phán căn cứ vào các chứng cứ của kiểm sát viên để phán đoán bị can có tội hay không căn cứ theo hiến pháp và pháp luật. Tuy nhiên, không thể chỉ dựa vào lời khai của bị can mà công nhận bị can là có tội mà phải có chứng cứ bổ sung để có thể công nhận lời khai của bị can là sự thật. Ngoài ra, trong trường hợp có đủ lí do để nghi ngờ lời khai đã lấy được bằng cách tra tấn, đánh đập, đe dọa hoặc giam giữ bị can trái pháp luật trong thời gian dài hoặc lời khai không đúng sự thực thì không thể coi đó là chứng cứ có tội. Ngoài ra, bị can có quyền được giữ im lặng đối với các câu hỏi khi thẩm vấn.

▶ 유·무죄의 판결

▶ Tuyên án có tội hoặc vô tội

판사가 유죄의 심증을 얻지 못한 경우에는 무죄를 선고하는데 이 경우 구속되었던 피고인은 법률이 정하는 바에 의하여 형사보상금을 청구할 수 있습니다. 피고인의 혐의사실이 범죄를 구성하고 증거가 충분한 경우에 판사는 유죄판결을 합니다. 유죄판결을 하는 경우에는 사형, 징역, 금고, 자격상실, 자격정지, 벌금, 구류, 과료, 몰수의 형을 선고합니다. 유기징역이나 금고는 1 월 이상 30 년 이하로 하며, 특별히 형을 가중할 경우에는 50 년까지 선고할 수 있습니다.

Trong trường hợp thẩm phán tin rằng bị can không có tội và tuyên bố vô tội, bị can đã bị giam giữ có thể yêu cầu tiền bồi thường hình sự theo căn cứ pháp luật. Trong trường hợp có đủ yếu tố cấu thành tội và có đủ chứng cứ thì thẩm phán tuyên án có tội đối với bị can. Trong trường hợp bị can bị tuyên bố là có tội thì sẽ tuyên các hình phạt bao gồm tử hình, tù lao động có thời hạn, cấm tù, tước tư cách, đình chỉ tư cách, phạt tiền, giam giữ, phạt hành chính, tịch thu.... Tù lao động có thời hạn hoặc cấm tù thì thời gian từ 1 tháng đến 30 năm, trong trường hợp phạm tội nặng thì có thể bị tuyên án đến 50 năm tù giam.

▶ 항소·상고절차

▶ Thủ tục kháng cáo lên tòa cấp phúc thẩm và kháng cáo lên tòa án tối cao

피고인이나 검사는 제 1 심 판결에 대하여 불복이 있으면 판결선고일로부터 7 일 이내에 항소할 수 있습니다. 제 2 심 재판절차도 제 1 심 재판절차와 별다른 차이가 없으나 증거신청시기의 제한, 증인신청사유제한 등 1 심 재판절차와는 다른 특수성이 있습니다. 한편 피고인만이 항소한 사건에 대하여는 원심판결의 형보다 중한 형을 선고하지 못합니다. 제 2 심 판결에 대하여 불복할 경우에는 판결선고일로부터 7 일 이내에 상고할 수 있는데, 상고는 형사소송법이 정하는 일정한 사유가 있어야 합니다.

Nếu bị can hoặc kiểm sát viên không chấp nhận bản án sơ thẩm thì trong vòng 7 ngày sau ngày tuyên án có thể kháng cáo. Trình tự xét xử của tòa án phúc thẩm không khác nhiều so với trình tự xét xử của tòa án sơ thẩm, tuy nhiên có tính sự đặc biệt so với trình tự xét xử của tòa án sơ thẩm như hạn chế về thời gian đăng kí chứng cứ, hạn chế lí do đăng kí nhân chứng...Ngoài ra đối với vụ án chỉ do bị cáo kháng cáo thì không được tuyên hình phạt nặng hơn hình phạt của bản án sơ thẩm. Nếu không chấp nhận bản án phúc thẩm thì trong vòng 7 ngày sau ngày tuyên án có thể tiếp tục kháng cáo lên tòa án tối cao, tuy nhiên phải có những lí do nhất định được quy định trong luật tố tụng hình sự mới được kháng cáo lên tòa án tối cao .

▶ 즉결심판절차

▶ Thủ tục phán quyết tức thời

도로교통법위반 또는 경범죄처벌법위반 등 20 만원 이하의 벌금이나 구류 또는 과료에 처할 범죄사건에 대하여는 지방법원 또는 지원 및 시·군법원의 판사가 관할 경찰서장의 청구에 의하여 즉결심판을 합니다. 판사는 사건이 즉결심판에 부적절하다고 인정되는 경우에는 즉결심판의 청구를 기각하여야 하며, 이때에는 경찰서장은 지체 없이 사건을 검찰에 송치하여야 합니다. 즉결심판에 불복이 있으면 7 일 이내에 정식재판을 청구할 수 있고, 즉결심판이 확정되면 확정판결과 같은 효력이 있습니다.

Đối với các vụ án phạm tội bị phạt số tiền dưới 200.000won hoặc giam giữ hoặc phạt hành chính như vi phạm luật giao thông đường bộ hoặc vi phạm luật xử tội nhẹ thì thẩm phán của chi nhánh hoặc tòa án cấp thành phố và cấp quận huyện sẽ phán quyết tức thời theo yêu cầu của cảnh sát trưởng tại địa phương. Trong trường hợp thẩm phán cho rằng phán quyết tức thời đối với vụ án là không hợp lí thì phải bác bỏ yêu cầu phán quyết tức thời và khi đó cảnh sát trưởng phải ngay lập tức chuyển vụ án đó sang viện kiểm sát. Nếu bị can không chấp nhận bản án phán quyết tức thời thì có thể yêu cầu mở phiên tòa chính thức, nếu kết quả phán quyết tức thời được xác định thì có hiệu lực như bản án đã có hiệu lực pháp luật.

### 3) 가사재판

#### 3) XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

가사재판은 가족 및 친족간의 분쟁사건과 가정에 관한 일반적인 사건에 대한 재판입니다.

Xét xử các vụ án hôn nhân và gia đình là xét xử những vụ án tranh chấp trong gia đình, trong thân tộc và các vụ án thông thường liên quan đến gia đình.

가사재판의 예로는 재판상 이혼, 혼인무효, 친생자관계존부확인, 이혼을 원인으로 하는 손해배상청구, 상속포기, 재산분할, 자의 양육, 상속재산분할 등을 들 수 있고, 가사분쟁을 해결하는 방식은 판결, 심판, 조정 등이 있습니다. 재판상 이혼청구나 이혼을 원인으로 하는 손해배상청구와 같은 가사소송사건과 자의 양육, 상속재산의 분할청구와 같은 가사비송사건은 원칙적으로 본안재판을 하기 전에 조정을 거쳐야 합니다. 조정은 수소법원, 조정담당판사, 또는 법관 1 인과 조정위원 2 인 이상으로 구성되는 조정위원회에서 행하는데, 가정법원장 또는 지원장은 매년 변호사, 의사, 사회사업가, 심리학자 기타 학식과 덕망이 있는 자 중에서 적당한 사람을 조정위원으로 위촉합니다.

Ví dụ về xét xử các vụ án hôn nhân và gia đình như ly hôn, vô hiệu hóa hôn nhân, xác định có phải là con đẻ hay không, yêu cầu bồi thường thiệt hại do ly hôn, từ bỏ quyền thừa kế, phân chia tài sản, nuôi con, phân chia tài sản thừa kế... và phương pháp để giải quyết các tranh chấp trong hôn nhân và gia đình là phán quyết, phán xử và hòa giải... Về nguyên tắc, trước khi xét xử những vụ án tố tụng hôn nhân và gia đình như yêu cầu bồi thường thiệt hại do yêu cầu ly hôn tại tòa hoặc ly hôn và những vụ án tố tụng ngoài hôn nhân và gia đình như nuôi con,

yêu cầu phân chia tài sản thừa kế... thì phải trải qua thủ tục hòa giải. Hòa giải do ủy ban hòa giải thực hiện, ủy ban hòa giải là tòa án thụ lý, thẩm phán phụ trách hòa giải hoặc ủy ban gồm có 1 người là thẩm phán và ít nhất là 2 ủy viên hòa giải trở lên. Chánh án tòa án gia đình hoặc chánh án chi nhánh mỗi năm đều chọn những người thích hợp trong số các luật sư, bác sĩ, nhà hoạt động xã hội, học giả nghiên cứu tâm lý và những người có học thức và đức vọng để ủy nhiệm làm ủy viên hòa giải.

가사조정절차는 본인이 출석한 상태에서 비공개로 진행되는 것을 원칙으로 하고, 조정이 성립되어 그 내용이 조정조서에 기재되면 이는 재판상 화해와 동일한 효력이 있습니다. 가정법원에서는 사건의 해결에 필요하다고 인정하는 때에는 관계자들에게 현상 변경 또는 처분행위의 금지를 명하는 등 적당한 사전처분을 할 수 있고, 확정된 가사판결 등에 따라 재산상의 의무 또는 유아의 인도의무를 부담하고 있는 자가 이를 이행하지 아니하는 때에는, 일정한 기간내에 그 의무를 이행할 것을 명할 수 있습니다.

Thủ tục hòa giải trong gia đình về nguyên tắc là các đương sự phải đích thân tham dự và được tiến hành không công khai, nếu hòa giải thành công và nội dung hòa giải được ghi trong biên bản hòa giải thì có hiệu lực như hòa giải tại tòa. Tòa án gia đình có thể áp dụng các biện pháp xử lý trước nếu cho rằng các biện pháp đó là cần thiết để giải quyết vụ án như: ra lệnh cho các bên liên quan không được thay đổi tình trạng hiện tại hoặc cấm các hành vi xử lý tài sản... Trong trường hợp người có nghĩa vụ về mặt tài sản hoặc phải giao lại trẻ em theo bản án hôn nhân và gia đình đã được xác định không thực hiện các nghĩa vụ này thì tòa án có thể ra lệnh cho người đó thực hiện các nghĩa vụ đó trong một thời hạn nhất định.

#### 4) 소년보호재판

#### 4) XÉT XỬ ĐỂ BẢO VỆ TRẺ VỊ THÀNH NIÊN

소년보호재판은 19 세 미만의 소년이 범죄나 비행을 저지른 경우에 소년의 환경을 변화시키고, 소년의 성품과 행동을 바르게 하기 위한 보호처분을 행하는 재판입니다.

Xét xử bảo vệ trẻ vị thành niên là tòa án xét xử để bảo vệ trẻ vị thành niên khi trẻ vị thành niên dưới 19 tuổi đã phạm tội hoặc có hành vi sai trái bằng cách thay đổi môi trường sống và giúp trẻ hình thành tính cách cũng như hành vi đúng đắn.

경찰서장, 검사, 법원 등은 10 세 이상 19 세 미만의 소년이 범죄 또는 비행을 저지른 사건을 가정법원 소년부 또는 지방법원 소년부에 송치할 수 있습니다. 또한 비행소년을 발견한 소년의 보호자나 학교장, 사회복지시설의 장, 보호관찰소장 등은 수사기관 등을 거치지 않고 가정법원 소년부에 이를 직접 통고(통고는 소년보호재판 절차를 시작해 달라는 뜻의 통지입니다)할 수 있습니다.

Cảnh sát trưởng, kiểm sát viên, tòa án... có thể chuyển giao các vụ án do trẻ vị thành niên phạm tội hoặc có hành vi sai trái trong độ tuổi từ 10 đến 19 tuổi cho Phòng phụ trách vị thành niên tại tòa án gia đình hoặc Phòng phụ trách vị thành niên tại tòa án địa phương. Ngoài ra, khi phát hiện trẻ vị thành niên phạm tội thì người giám hộ trẻ hoặc hiệu trưởng trường học, thủ trưởng các cơ quan phúc lợi xã hội, giám đốc cơ quan bảo vệ và giám sát trẻ...có thể trực tiếp thông cáo (thông cáo nghĩa là thông báo để yêu cầu bắt đầu thủ tục xét xử bảo vệ trẻ vị thành niên) cho Phòng phụ trách vị thành niên mà không cần phải thông qua cơ quan điều tra.

가정법원 소년부는 소년사건에 대하여 소년조사관으로 하여금 소년의 범행, 환경 등에 대하여 조사하도록 한 다음, 그 조사보고 등에 기초하여 심리하는 것을 원칙으로 합니다. 또한 소년부는

조사 또는 심리를 할 때에 정신과의사 · 심리학자 · 사회사업가 · 교육자나 그 밖의 전문가의 진단, 소년분류심사원의 분류심사 결과와 의견, 보호관찰소의 조사결과와 의견 등을 고려하기 위하여, 전문가의 진단 등을 의뢰할 수 있습니다.

Theo nguyên tắc, đối với các vụ án vị thành niên phạm tội, Phòng phụ trách vị thành niên của tòa án gia đình sẽ buộc nhân viên điều tra trẻ vị thành niên tiến hành điều tra hành vi phạm tội, môi trường... của trẻ vị thành niên và sau đó sẽ thẩm tra dựa trên báo cáo điều tra đó. Ngoài ra, khi tiến hành điều tra hoặc thẩm tra, Phòng phụ trách vị thành niên có thể giao cho các chuyên gia để xem xét đến các yếu tố như chẩn đoán của bác sĩ khoa thần kinh, học giả tâm lý, chuyên gia hoạt động xã hội, nhà giáo dục hoặc các chuyên gia khác, kết quả thẩm tra phân loại và ý kiến của ủy viên thẩm tra phân loại trẻ vị thành niên, kết quả điều tra và ý kiến của các cơ quan bảo vệ và giám sát trẻ.

소년보호재판 절차에서 소년은 보조인을 선임하여 도움을 받을 수 있습니다. 보조인은 소년의 정당한 이익을 옹호하고, 적정한 심리 · 처우 결정을 위하여 활동하는 사람입니다. 보조인의 자격에는 제한이 없지만, 보호자나 변호사 이외의 사람을 보조인으로 선임할 때에는 소년부 판사의 허가를 받아야 합니다.

Trong quá trình xét xử bảo vệ trẻ vị thành niên, trẻ vị thành niên có thể chọn người bảo hộ để được nhận sự giúp đỡ. Người bảo hộ là người ủng hộ lợi ích chính đáng của trẻ, quyết định thẩm tra và đối xử hợp lý đối với trẻ. Tuy không có hạn chế về tư cách của người bảo hộ nhưng nếu muốn chọn người không phải là người giám hộ hoặc luật sư làm người bảo hộ cho trẻ thì phải được sự cho phép của thẩm phán của Phòng phụ trách vị thành niên.

소년이 소년분류심사원에 위탁된 경우 보조인이 없을 때 법원은 소년을 위하여 보조인을 선정하여야 합니다. 소년이 소년분류심사원에 위탁되지 않았더라도 필요하다고 판단되면 법원은 보조인을 선정할 수 있습니다. 이에 따른 비용은 국가가 부담합니다.

Trong trường hợp trẻ được ủy thác cho ủy viên thẩm tra phân loại trẻ vị thành niên và không có người bảo hộ thì tòa án phải chọn người bảo hộ cho trẻ. Cho dù trẻ không được ủy thác cho ủy viên thẩm tra phân loại trẻ vị thành niên nhưng nếu được nhận định là cần thiết thì tòa án cũng có thể chọn người bảo hộ cho trẻ. Những chi phí của việc này là do nhà nước trả.

소년부 판사는 심리를 마친 후 소년에게 적당한 보호처분을 할 수 있습니다. 소년보호처분에는 보호자 또는 보호자를 대신하여 소년을 보호할 수 있는 사람에게 감독과 보호를 맡기는 처분, 수강명령, 사회봉사명령, 보호관찰관의 단기 · 장기 보호관찰을 받도록 하는 처분, 아동복지시설, 병원, 요양소, 소년원 등에 위탁 또는 송치하는 처분 등이 있습니다. 보호관찰 처분을 하는 경우 대안교육 또는 소년의 상담 · 선도 · 교화와 관련된 단체나 시설에서 상담 · 교육을 받도록 하고, 야간 등 특정 시간대의 외출을 제한하는 명령을 할 수 있습니다. 또한 소년부 판사는 가정상황 등을 고려하여 필요하다고 판단하면 보호자에게 소년원 · 소년분류심사원 또는 보호관찰소 등에서 실시하는 소년의 보호를 위한 특별교육을 받을 것을 명할 수도 있습니다.

Sau khi thẩm vấn xong, thẩm phán có thể xử lý bảo vệ hợp lý đối với trẻ. Xử lý bảo vệ đối với trẻ bao gồm các hình thức như giao trẻ cho người giám hộ hoặc người thay thế người giám hộ có thể bảo vệ trẻ để giám sát và bảo vệ trẻ, giáo dục, bắt buộc tham gia lao động công ích, chịu sự giám sát ngắn hạn hoặc dài hạn của nhân viên giám sát bảo hộ trẻ, ủy thác hoặc giao trẻ cho các cơ quan phúc lợi dành cho trẻ em, bệnh viện, trường giáo dưỡng, viện dành cho trẻ vị thành niên... Trong trường hợp xử lý giám sát bảo hộ trẻ thì có thể để trẻ được tư vấn giáo dục tại các đoàn thể hoặc cơ quan tư vấn, cảm hóa, giáo dục phục hồi nhân phẩm cho trẻ, hạn chế trẻ đi ra

ngoài trong một thời gian nhất định như cấm trẻ ra ngoài vào ban đêm... Ngoài ra, thẩm phán của Phòng phụ trách vị thành niên xem xét đến hoàn cảnh gia đình và nếu cho rằng cần thiết thì có thể yêu cầu người giám hộ để trẻ được tham gia các chương trình giáo dục đặc biệt do Viện dành cho trẻ vị thành niên, Viện thẩm tra phân loại trẻ vị thành niên hoặc viện giám sát bảo hộ trẻ tiến hành để bảo vệ trẻ.

소년에 대한 보호처분은 소년이 건전하게 성장하도록 돕는 처분으로서 소년의 장래 신상에 아무런 영향을 미치지 않습니다.

Xử lý bảo vệ đối với trẻ là cách xử lý giúp trẻ phát triển lành mạnh, do đó không gây bất kì ảnh hưởng gì đến tương lai của trẻ.

## **5) 가정보호재판**

### **5) XÉT XỬ ĐỂ BẢO VỆ GIA ĐÌNH**

가정보호재판은 일정한 가정구성원 사이의 가정폭력사건 등에 대하여 그 환경의 조정과 성행의 교정에 관한 보호처분을 행하는 재판입니다.

Xét xử để bảo vệ gia đình là xét xử nhằm thực hiện các biện pháp xử lý để bảo vệ gia đình bằng cách thay đổi môi trường sống và chỉnh sửa lại hành động của một số thành viên nhất định đối với các vụ án bạo lực giữa một số thành viên trong gia đình.

배우자, 직계존비속 등 일정한 가정구성원 사이에 신체적, 정신적 또는 재산상 피해를 수반하는 가정폭력행위가 발생한 경우, 검사 또는 법원 등은 이를 가정법원에 송치할 수 있습니다. 가정보호처분은 가정폭력범죄로 파괴된 가정의 평화와 안정을 회복하고 건강한 가정을 육성함을 목적으로 하고 있습니다.

Trong trường hợp xảy ra các hành vi bạo lực gia đình gây tổn hại về thân thể, tinh thần hoặc tài sản của một số thành viên nhất định trong gia đình như người phối ngẫu, những người cùng quan hệ huyết thống... kiểm sát viên hoặc tòa án có thể chuyển giao cho tòa án gia đình giải quyết. Mục đích của việc xử lý bảo vệ gia đình là khôi phục sự yên vui và ổn định của gia đình đã bị tội phạm bạo lực gia đình phá hoại và để nuôi dưỡng các gia đình lành mạnh.

가정법원은 가정보호사건의 원활한 조사·심리 또는 피해자의 보호를 위하여 필요하다고 인정하는 때에는 결정으로 행위자에 대하여 피해자 또는 가정구성원의 주거 또는 방실로부터 퇴거 등 격리를 명하거나 피해자의 주거 등에서 100 미터 이내의 접근금지를 명하는 등의 임시조치를 할 수 있습니다. 또한 가정법원은 가정보호사건에 대하여 가정보호조사관으로 하여금 사건에 대하여 조사하도록 한 다음, 그 조사보고 등에 기초하여 심리한 후에 종국결정을 하는 것을 원칙으로 합니다. 종국결정에는 행위자가 피해자에게 접근하는 행위를 제한하는 처분, 친권자인 행위자의 피해자에 대한 친권행사의 제한하는 처분, 사회봉사명령·수강명령, 보호관찰처분, 감호위탁, 치료위탁 및 상담위탁처분 등이 있고, 위 각 처분은 병과될 수도 있습니다.

Tòa án gia đình có thể quyết định các biện pháp tạm thời như ra lệnh cách ly đối với người có hành vi bạo lực gồm đuổi khỏi nơi cư trú hoặc khỏi nơi ở của người bị hại hoặc thành viên trong gia đình, ra lệnh cấm không được đến gần quá 100m đối với nơi cư trú của người bị hại nếu cho rằng những biện pháp này là cần thiết để điều tra, thẩm tra vụ án bảo vệ gia đình một cách thuận lợi hoặc cần thiết để bảo vệ người bị hại. Ngoài ra, về nguyên tắc đối với các vụ án bảo vệ gia đình, Tòa án gia đình yêu cầu nhân viên điều tra bảo vệ gia đình tiến hành điều tra vụ án và sau đó dựa trên báo cáo điều tra để thẩm tra sau đó sẽ có quyết định cuối cùng. Quyết định

cuối cùng bao gồm các hình thức như: hạn chế người có hành vi bạo lực đến gần người bị hại, hạn chế thực hiện quyền bảo lãnh đối với người bị hại khi người có hành vi bạo lực là người có quyền bảo lãnh, yêu cầu tham gia lao động công ích, giáo dục, giám sát bảo hộ, ủy thác giám hộ, ủy thác điều trị và ủy thác tư vấn... những biện pháp trên có thể được áp dụng đồng thời.

## 6) 행정재판

### 6) XÉT XỬ HÀNH CHÍNH

행정재판은 행정소송절차를 통하여 행정청의 위법한 처분이나 그밖에 공권력의 행사·불행사등으로 인한 국민의 권리 또는 이익의 침해를 구제하고, 공법상의 권리관계 또는 법적용에 관한 다툼을 적정하게 해결함을 목적으로 하는 재판입니다. 행정소송의 예로는 각종 세금의 부과처분에 대한 취소소송, 운전면허취소·정지처분에 대한 취소소송, 산재보험급여부지급처분에 대한 취소소송, 공무원연금관리공단의 처분에 대한 취소소송, 공무원징계처분에 대한 취소소송, 영업허가취소·정지처분에 대한 취소소송, 수용재결처분에 대한 취소소송, 각종 거부처분에 대한 취소소송 등을 들 수 있습니다.

Xét xử hành chính là việc thông qua thủ tục tố tụng hành chính để xét xử nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi hoặc lợi ích của công dân khỏi sự xâm hại của việc xử lý không đúng luật của các cơ quan hành chính hoặc của việc thực hiện hoặc không thực hiện công quyền khác, để giải quyết một cách hợp lý những tranh chấp về quan hệ quyền lợi trên pháp luật hoặc trong việc áp dụng luật. Ví dụ về các tố tụng hành chính gồm: tố tụng để hủy bỏ việc thu thuế, tố tụng yêu cầu hủy bỏ đối với lệnh hủy hoặc đình chỉ sử dụng giấy phép lái xe, tố tụng yêu cầu hủy bỏ việc xử lý không cấp tiền bảo hiểm tai nạn lao động, tố tụng yêu cầu hủy bỏ việc xử lý của tổng công ty quản lý lương hưu của công chức nhà nước, tố tụng yêu cầu hủy bỏ việc xử phạt đối với công chức nhà nước, tố tụng yêu cầu hủy bỏ đối với việc hủy giấy phép kinh doanh hoặc đình chỉ kinh doanh, tố tụng yêu cầu hủy bỏ đối với quyết định thu hồi và sử dụng đất, tố tụng yêu cầu hủy bỏ đối với việc xử lý từ chối....

#### ▶ 행정소송의 심리와 판결

#### ▶ Thẩm tra và xét xử tố tụng hành chính

행정소송의 심리는 민사소송의 심리방식과 유사한 부분이 많으나 민사소송과는 달리 사실의 주장과 증거를 제출하는 책임을 당사자에게만 지우지 않고 법원이 직권으로도 증거조사를 할 수 있으며, 당사자가 주장하지 아니하는 사실에 관하여도 판단할 수 있습니다. 행정소송은 공익에 관계되는 사항이 많기 때문에 이와 같이 예외적으로 직권주의를 채택하고 있는 것입니다. 행정소송은 법률에 특별한 규정이 없는 한 처분을 행한 행정청을 피고로 하여 제기합니다. 법원은 원고의 청구가 이유 있다고 인정되면 행정처분을 취소하거나 그 무효를 확인하는 판결을 합니다. 그러나 원고의 청구가 이유 없다고 하여도 그 행정처분을 취소하거나 변경하는 것이 현저히 공공의 복리에 적합하지 않다고 인정되는 경우에는 법원은 원고의 청구를 기각할 수 있습니다. 행정청에 대하여 적극적으로 어떠한 행정행위를 해 줄 것을 구하는 청구는 현재까지는 허용되지 않고 있습니다.

Việc thẩm tra tố tụng hành chính có nhiều điều tương tự như cách thẩm tra tố tụng hình sự, tuy nhiên có điểm khác so với tố tụng hình sự là việc trình bày quan điểm và cung cấp chứng cứ không chỉ là trách nhiệm của đương sự mà tòa án cũng có thể điều tra chứng cứ bằng quyền hạn của mình và tòa án cũng có thể phán đoán những tình tiết vụ án cho dù đó không phải là quan điểm của đương sự. Tố tụng hành chính có nhiều nội dung liên quan đến lợi ích công cộng, do đó quyền hạn tập trung vào tòa án. Trừ khi không có quy định đặc biệt nào của pháp luật, tố tụng hành chính khởi tố đối với bị đơn là cơ quan hành chính - cơ quan thực hiện việc phạt.

Nếu tòa án công nhận rằng yêu cầu của nguyên đơn là có lí thì hủy xử phạt hành chính hoặc quyết định vô hiệu hóa xử phạt hành chính đó. Tuy nhiên trong trường hợp tòa án công nhận yêu cầu của bị cáo là có lí nhưng việc hủy xử phạt hành chính hoặc thay đổi xử phạt hành chính rõ ràng là không phù hợp với lợi ích công cộng thì tòa án có thể bác yêu cầu của nguyên đơn. Cho đến nay, vẫn chưa cho phép việc yêu cầu tích cực để thực hiện hành vi hành chính nào đối với cơ quan hành chính .

▶ 행정처분의 집행정지

▶ Đình chỉ thi hành xử phạt hành chính

행정소송이 제기되어도 행정처분의 집행에 영향을 주지 않는 것이 원칙이지만, 행정처분의 집행 등으로 인하여 생길 회복하기 어려운 손해를 예방하기 위하여 긴급한 필요가 있다고 인정할 때에는 직권 또는 당사자의 신청에 의하여 처분의 집행정지결정을 할 수 있습니다. 그러나 이러한 집행정지도 공공의 복리에 중대한 영향을 미칠 우려가 있을 때에는 허용되지 않습니다.

Về nguyên tắc, tòa án có thể khởi kiện hành chính nhưng không gây ảnh hưởng đến việc thi hành xử phạt hành chính, tuy nhiên khi nhận định rằng việc đình chỉ là cần thiết và cấp bách để phòng trừ tổn hại khó khắc phục do thi hành xử phạt hành chính thì tòa án có thể quyết định đình chỉ việc thi hành xử phạt hành chính bằng quyền hạn của mình hoặc căn cứ theo yêu cầu của đương sự. Tuy nhiên, nếu việc đình chỉ thi hành này có khả năng gây ảnh hưởng lớn đến lợi ích công cộng thì cũng sẽ không được cho phép.

## 7) 그 밖의 재판

### 7) XÉT XỬ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

▶ 법령의 위헌심사

▶ Thẩm tra vi phạm hiến pháp của pháp lệnh

행정부 등의 명령·규칙 또는 처분이 헌법이나 법률에 위반되는 여부가 재판의 전제가 된 경우에는 대법원은 이를 최종적으로 심사할 권한을 가집니다. 또한 법률이 헌법에 위반되는지 여부가 재판의 전제가 된 경우에는 법원은 이를 심사하고, 위헌이라고 판단되는 경우에는 헌법재판소에 법률의 위헌심사를 제청할 수 있습니다.

Trong trường hợp tiền đề của việc xét xử là xem xét xem mệnh lệnh, quy tắc hoặc xử lý của bộ hành chính...có vi phạm hiến pháp hoặc pháp luật hay không thì quyền thẩm tra cuối cùng về vấn đề này thuộc về tòa án tối cao. Ngoài ra, trong trường hợp tiền đề của việc xét xử là xem xét xem pháp luật có vi phạm hiến pháp hay không thì tòa án tối cao tiến hành thẩm tra và nếu nhận định rằng pháp luật đã vi phạm hiến pháp thì có thể yêu cầu tòa án hiến pháp thẩm tra việc vi phạm hiến pháp của pháp luật.

▶ 선거재판

▶ Xét xử bầu cử

선거재판은 선거무효와 당선무효를 다루는 선거소송사건에 대한 재판입니다. 대통령·국회의원 선거소송은 대법원이 제 1 심 겸 종심으로 재판합니다. 지방의회의원 선거소송은 고등법원이 제 1 심으로 대법원이 최종심으로 재판합니다. 지방자치단체의 장 선거소송은 시·도지사 선거에 관하여는 대법원이 제 1 심 겸 최종심으로, 구·시·군의 장 선거에 관하여는 고등법원이 제 1 심으로 대법원이 최종심으로 재판합니다.

Xét xử bầu cử là xét xử đối với các vụ án tố tụng bầu cử, xử vô hiệu bầu cử hoặc vô hiệu trúng cử. Tố tụng bầu cử đối với tổng thống và nghị sĩ quốc hội thì tòa án tối cao xử sơ thẩm và phúc thẩm. Tố tụng bầu cử đối với

nghị viên địa phương thì do tòa án cấp cao xử sơ thẩm và tòa án tối cao xử chung thẩm. Tổ tụng bầu cử đối với những người đứng đầu các đoàn thể tự trị địa phương thì chia làm 2 trường hợp như sau:

- Trường hợp 1: nếu đó là bầu cử người đứng đầu tỉnh hoặc thành phố thì sẽ do tòa án tối cao xử sơ thẩm kiêm chung thẩm
- Trường hợp 2: nếu đó là bầu cử người đứng đầu các quận, huyện, thì tòa án cấp cao xử sơ thẩm và tòa án tối cao xử chung thẩm.

▶ 특허재판

▶ Xét xử các vấn đề về sở hữu trí tuệ

특허재판은 특허권, 실용신안권, 의장권, 상표권에서 생기는 분쟁을 다루는 재판입니다. 특허사건에 관한 분쟁은 맨 먼저 특허청에 설치된 특허심판원의 심판절차에서 다루어지며, 특허심판원의 심결에 대한 불복이 있는 경우에 비로소 특허법원이 그 취소소송을 1 심법원으로서 관할하게 됩니다. 특허법원의 판결에 불복이 있는 경우에는 대법원에 상고할 수 있습니다.

Xét xử các vấn đề về sở hữu trí tuệ là xét xử để xử lý các tranh chấp về quyền sở hữu công nghiệp, quyền mô hình ứng dụng, quyền thiết kế, quyền thương hiệu. Tranh chấp trong các vụ án liên quan đến sở hữu trí tuệ đầu tiên được xử lý bằng các thủ tục xét xử của Viện xét xử sở hữu trí tuệ thuộc Cục sở hữu trí tuệ, nếu không chấp nhận quyết định của Viện xét xử sở hữu trí tuệ thì khi đó Tòa sở hữu trí tuệ sẽ xử lý với tư cách là tòa án xét xử sơ thẩm. Nếu không chấp nhận quyết định của Tòa sở hữu trí tuệ thì có thể kháng cáo lên Tòa án tối cao.

▶ 군사재판

▶ Xét xử quân sự

군사재판을 관할하기 위한 특별법원으로 보통군사법원과 고등군사법원이 설치되어 있으며, 군사법원의 상고심은 대법원이 됩니다.

Tòa án quân sự phổ thông và tòa án quân sự cấp cao được thành lập với tư cách là tòa án đặc biệt để xét xử quân sự, còn tòa án tối cao sẽ xét xử kháng cáo đối với quyết định của tòa án quân sự.

## 나. 등기 . 가족관계등록 . 공탁

### B. ĐĂNG KÍ, ĐĂNG KÍ QUAN HỆ GIA ĐÌNH, NHỜ BẢO QUẢN TÀI SẢN

비송절차는 국가가 개인의 사권의 발생 변경 소멸에 관하여 후견적 입장에서 관여하는 절차를 말하며, 이러한 비송사건의 예로는 등기, 가족관계등록, 공탁 등이 있습니다. 비송사건은 법원의 감독 아래 등기관, 가족관계등록담당 공무원, 공탁관 등이 처리합니다.

Thủ tục ngoài tố tụng là chỉ việc tham gia của nhà nước với tư cách là người giám hộ vào việc phát sinh, thay đổi, và mất đi của quyền cá nhân, ví dụ cho những vấn đề ngoài tố tụng như vậy gồm có: đăng kí, đăng kí quan hệ gia đình, nhờ bảo quản tài sản... Các vụ án ngoài tố tụng do cán bộ phụ trách đăng kí, công chức phụ trách đăng kí quan hệ gia đình, cán bộ phụ trách bảo quản tài sản... xử lý và được giám sát bởi tòa án.

▶ 등기와 등기소

▶ Đăng kí và cơ quan đăng kí

등기는 법원에서 하는 일 중에서 재판에 못지않게 국민의 생활과 밀접한 관련이 있는 비송사건입니다. 등기에는 부동산등기, 선박등기, 법인등기 등이 있습니다. 부동산등기는 부동산에 관한 권리를 공시하기 위한 등기이고, 법인등기는 상법, 민법 등의 규정에 의하여 법정사항을 공시할 목적으로 하는 등기입니다.



### 〈베트남어〉

Đăng kí là một công việc quan trọng không kém so với công việc xét xử trong số các công việc của tòa án, là vấn đề ngoài tố tụng có mối quan hệ mật thiết với đời sống của người dân. Đăng kí bao gồm: đăng kí bất động sản, đăng kí tàu thuyền, đăng kí pháp nhân... Đăng kí tài sản là đăng kí để thông báo quyền lợi đối với bất động sản, đăng kí pháp nhân là đăng kí nhằm mục đích căn cứ vào luật thương mại, luật dân sự... để thông báo những nội dung do pháp luật quy định.

등기소란 등기사무를 담당하는 국가기관을 뜻하며, 우리나라에서는 지방법원, 그 지원 또는 등기소에서 등기사무를 처리하고 있으므로 등기소라는 현실의 명칭을 가진 관서뿐만 아니라 지방법원의 등기과 또는 그 지원의 등기과나 등기제도 하나의 등기소입니다. 등기소에서는 부동산등기사무 외에 법인등기사무도 관장하고 있는 것이 보통입니다.

Cơ quan đăng kí là chỉ cơ quan nhà nước phụ trách việc đăng kí. Ở Hàn Quốc, các tòa án địa phương, chi nhánh của các tòa án địa phương hoặc văn phòng đăng kí đều phụ trách việc đăng kí, do đó không chỉ có các cơ quan có tên trên thực tế là Văn phòng đăng kí mới là cơ quan đăng kí mà phòng đăng kí tại các tòa án địa phương hoặc phòng đăng kí, bộ phận đăng kí tại chi nhánh của các tòa án đó cũng là các cơ quan đăng kí.

## ▶ 가족관계등록

► Đăng kí quan hệ gia đình

가족관계등록은 국민의 신분사항을 공시하는 것입니다. 가족관계등록에 관한 사무는 시·읍·면장과 구가 있는 시에서의 구청장이 행하고, 법원이 그 업무를 감독합니다. 개명, 가족관계등록의 창설 또는 정정에는 법원의 허가가 필요합니다. 또한 협의이혼의 신고에는 판사의 확인이 필요하므로 협의이혼을 하려면 부부가 법원에 함께 출석하여 이혼의사를 밝혀야 합니다.

Đăng ký quan hệ gia đình là việc thông báo nội dung tư cách của người dân. Các công việc liên quan đến đăng ký quan hệ gia đình do trưởng thành phố, trưởng xã, trưởng phường và trưởng quận (nếu là các thành phố bao gồm các quận nhỏ) thực hiện, còn tòa án giám sát các công việc đó. Việc đổi tên, lập hoặc đính chính quan hệ gia đình phải được sự cho phép của tòa án. Ngoài ra, việc đăng ký thuận tình ly hôn phải có sự xác nhận của thẩm phán, do đó nếu muốn ly hôn thì người vợ và người chồng phải cùng có mặt ở tòa án để trình bày ý định ly hôn.

▶ **공탁**

► Nhờ bảo quản tài sản

타인과 금전거래를 할 경우 채권자의 행방불명, 무성의 등으로 변제기에 채무변제를 하지 못해 당황해 하는 경우가 가끔 있을 수 있습니다. 이러한 문제를 해결하기 위하여 공탁이라는 제도가 존재하는데, 공탁이란 법령의 규정에 따른 원인에 기하여 금전·유가증권·기타의 물품을 국가기관(법원의 공탁소)에 맡김으로써 일정한 법률상의 목적을 달성하려고 하는 제도입니다.

Khi giao dịch về tiền bạc với người khác, có một số trường hợp khó xử do không thanh toán được nợ trong thời gian thanh toán do chủ nợ không rõ tung tích, không nhiệt tình trong việc thanh toán... Nhờ bảo quản tài sản chính là để giải quyết các trường hợp này. Nhờ bảo quản tài sản là việc ủy thác cho các cơ quan nhà nước (Phòng phụ trách bảo quản tài sản của Tòa án) giữ tiền, giấy tờ có giá và các vật dụng khác căn cứ vào các nguyên nhân theo quy định của pháp luật để đạt được mục đích pháp luật nào đó.